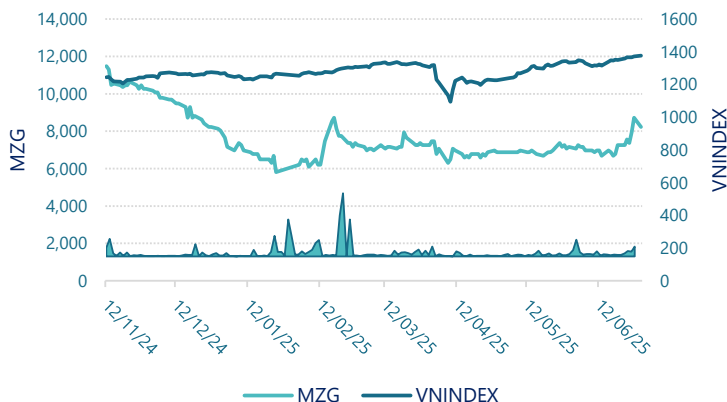




CTCP MiZa (UPCOM: MZG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,480
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,811
SL cổ phiếu LH	105,915,068
KLGD BQ 20 phiên (CP)	194,935
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	900
P/E	9.4
EPS	903

DT thuần

Q2/25

1,218

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 122 | 11.1%

LN sau thuế

Q2/25

28.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.20 | 47.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.6%

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

2,314

tỷ VNĐ

LN sau thuế

6T 2025

47.6

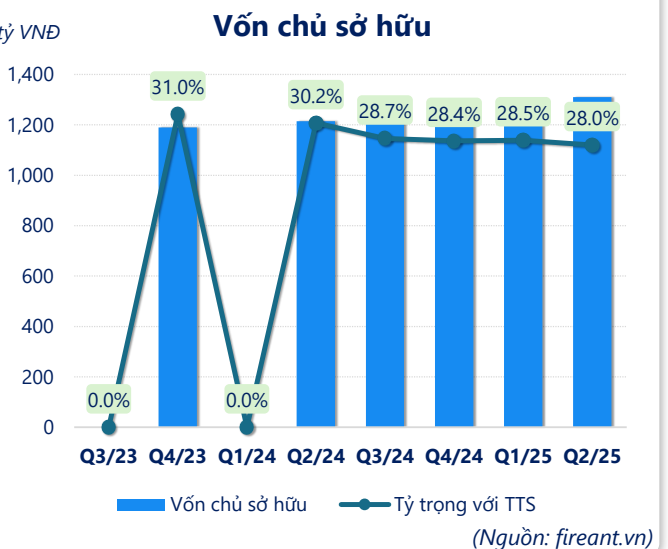
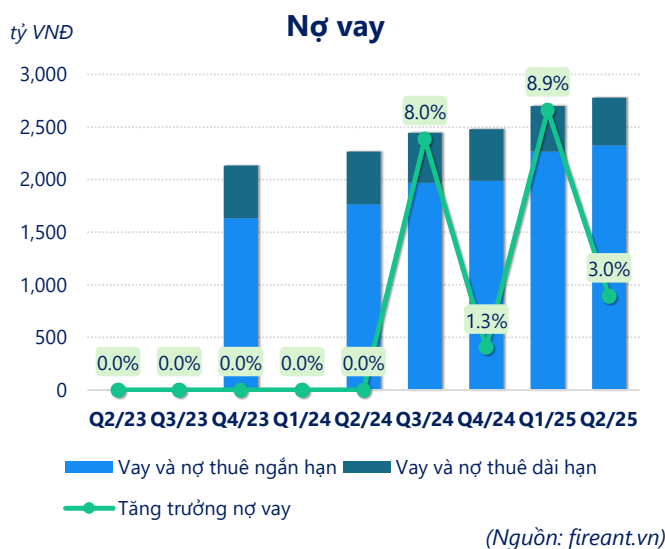
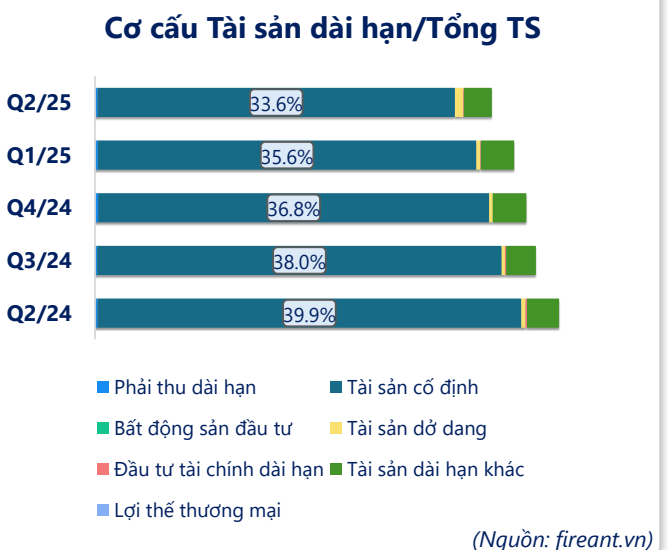
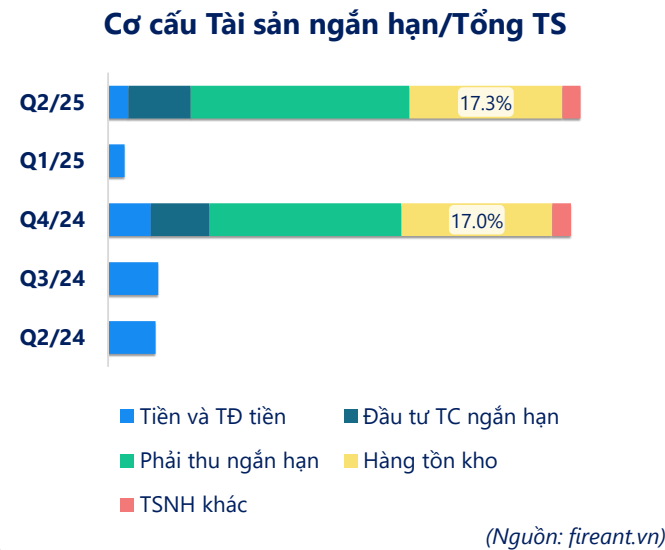
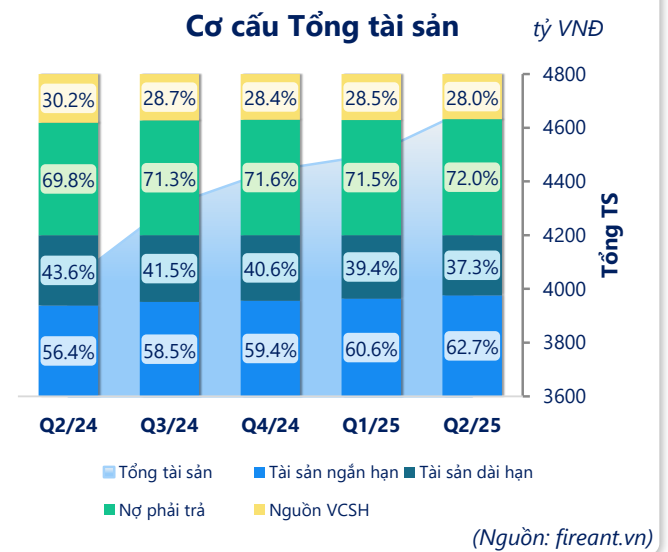
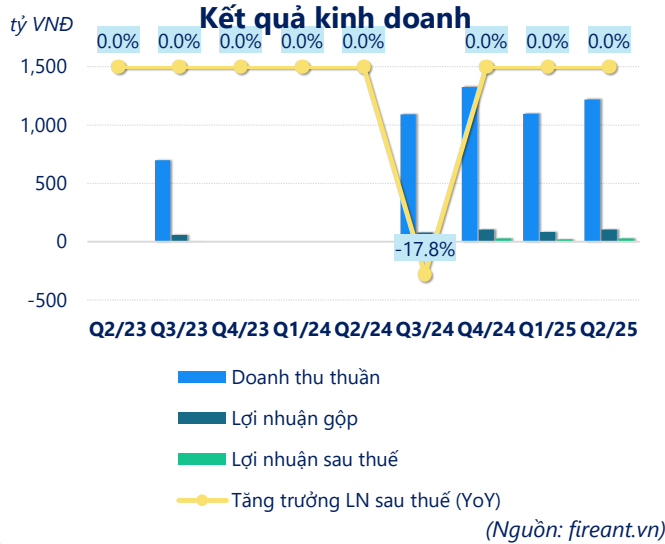
tỷ VNĐ

ROE

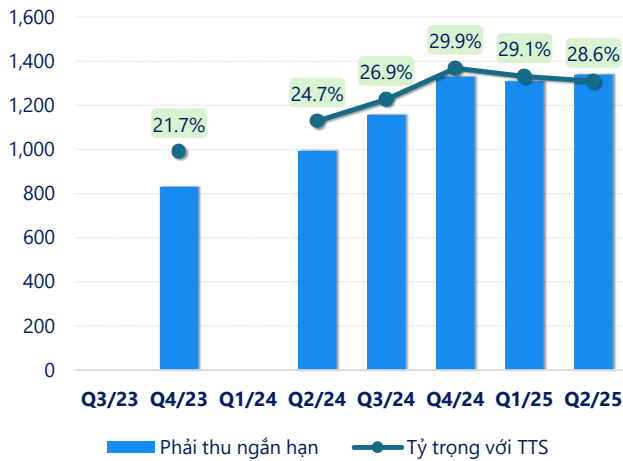
Q2/25

7.6%

#VALUE!

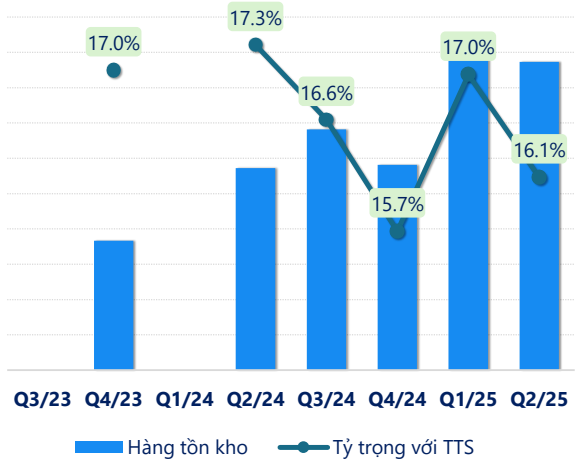


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


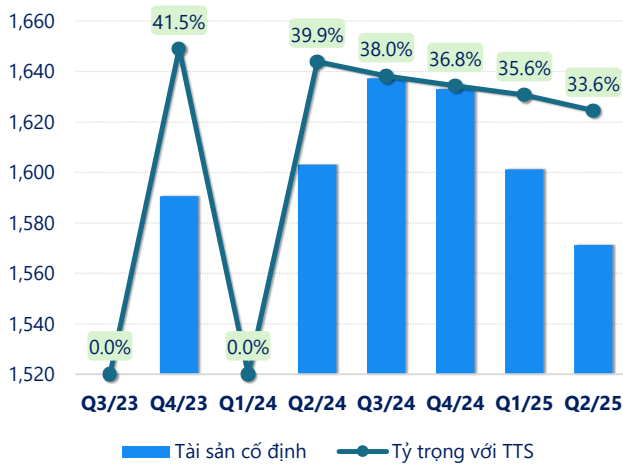
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


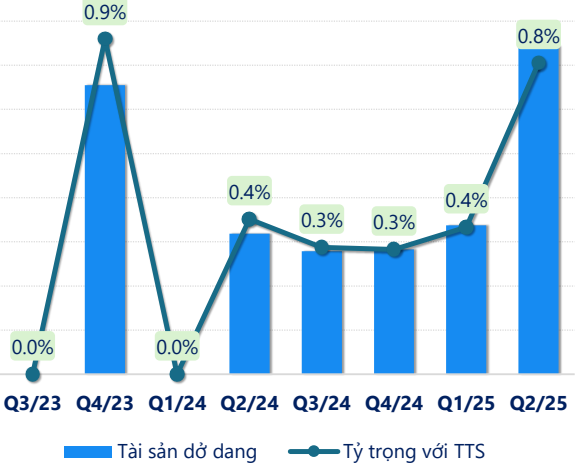
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

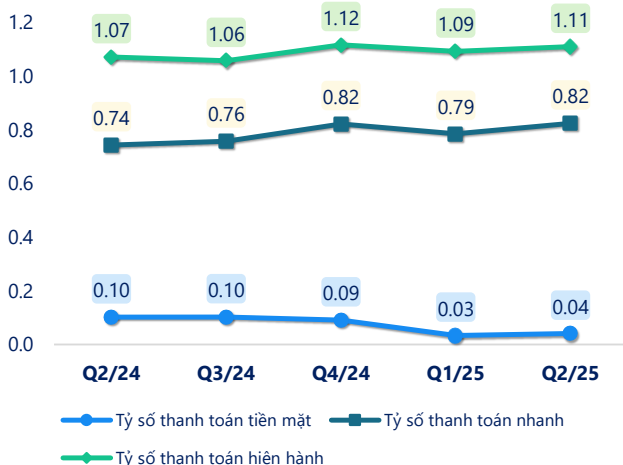
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

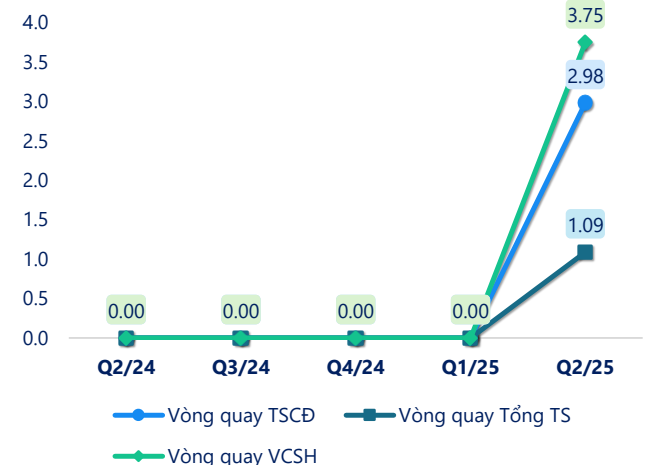
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	4,023	4,308	4,441	4,498	4,676
Tài sản ngắn hạn	2,268	2,522	2,640	2,724	2,931
Tiền và tương đương tiền	215	244	214	83.8	108
Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	309	311	474	646
Phải thu ngắn hạn	993	1,157	1,329	1,309	1,339
Hàng tồn kho	694	716	696	765	755
Tài sản ngắn hạn khác	83.2	96.4	89.1	92.2	84.7
Tài sản dài hạn	1,755	1,786	1,801	1,774	1,745
Phải thu dài hạn	9.72	9.72	13.4	12.0	11.5
Tài sản cố định	1,603	1,637	1,633	1,601	1,571
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.9	13.9	14.1	16.9	37.1
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	5.00	0	1.50	1.50
Tài sản dài hạn khác	121	120	141	142	123
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,809	3,073	3,179	3,217	3,366
Nợ ngắn hạn	2,117	2,385	2,364	2,495	2,642
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,765	1,968	1,989	2,267	2,325
Phải trả người bán ngắn hạn	248	324	304	192	283
Nợ dài hạn	692	688	814	722	725
Vay và nợ thuê dài hạn	501	478	490	432	454
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,214	1,235	1,262	1,281	1,310
Vốn chủ sở hữu	1,214	1,235	1,262	1,281	1,310
Vốn điều lệ	999	999	1,059	1,059	1,059
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)